

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HM
THÀNH PHỐ HN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị N – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim D

2. Bà Tạ Thị T

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh N - Thư ký tòa án nhân dân quận HM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HM xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 687/2021/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1962

HKTT: Số nhà 16, ngõ 198 LTT, phường KM, quận TX, thành phố HN.

Chỗ ở: Số nhà 5 ngách 106 ngõ 1277 đường GP, phường TL, quận HM, thành phố HN.(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Công Huân, sinh năm 1962

HKTT: Số nhà 16, ngõ 198 LTT, phường KM, quận TX, thành phố HN..

Chỗ ở: Số nhà 5 ngách 106 ngõ 1277 đường GP, phường TL, quận HM, thành phố HN.(Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Công T - sinh năm 1989

Chỗ ở: Số nhà 5 ngách 106 ngõ 1277 đường GP, phường TL, quận HM, thành phố HN. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Minh T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý N, huyện Lý N, tỉnh HN, vào ngày 08/12/1984. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại: Số nhà 16, ngõ 198 LTT, phường KM, quận TX, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 1/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau hoàn toàn; vợ chồng không có tiếng nói chung; thường có xảy ra cãi vã. Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị Trần Thị Minh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Nguyễn Công H.

+ *Về con chung:* Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H có 02 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 10/10/1989 và cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 25/9/1991.

Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, không cần cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn, chị T xác nhận không có thai chung với anh Nguyễn Công H.

+ *Về tài sản chung và nhà đất chung:* Chị Trần Thị Minh T xác nhận: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về các khoản nợ chung:* Chị Trần Thị Minh T xác nhận: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Trần Thị Minh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai đề ngày 25/11/2021 người làm chứng anh Nguyễn Công T trình bày:

Anh Nguyễn Công T là con trai thứ nhất của ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị Minh T. Quá trình ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị Minh T chung sống với nhau, anh Nguyễn Công T đã biết mâu thuẫn của ông bà. Mâu thuẫn phát sinh từ nhiều năm nay, nguyên nhân là do ông Nguyễn Công H nhiều lần ngoại tình, không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Việc ông H có quan hệ ngoài luồng với phụ nữ khác. Anh nghe nói bố anh ông H có con riêng ngoài giá thú (thông tin chưa được xác thực vì anh và gia đình anh không muốn tìm hiểu thêm).

Nay mẹ tôi bà T có yêu cầu xin ly hôn ông H, anh Nguyễn Công T đề nghị Tòa án giải quyết nhanh chóng để cho mẹ anh bà T sớm ổn định cuộc sống.

Ông H và bà T có 02 con chung là anh Nguyễn Công T, sinh năm 1989 và em gái anh là Nguyễn Lan H, sinh năm 1991 đều đã trưởng thành, có gia đình riêng.

Tài sản chung và nhà đất chung: Không có

Nợ chung: Anh Nguyễn Công T không nắm được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn an Nguyễn Công H đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết văn bản hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Công H.

Chị T trình bày, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị và anh H không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị và anh H ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Chị T đã không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H có 02 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 10/10/1989 và cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 25/9/1991.

Cả hai con chung đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, không cần cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại thời điểm tòa án giải quyết ly hôn, chị T xác nhận không có thai chung với anh Nguyễn Công H.

Về tài sản chung, nhà đất chung và khoản nợ chung khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân quận HM ngày 19/01/2022 UBND phường TL, quận HM, HN cung cấp: Trong thời gian chung sống anh H và chị T có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không hòa giải được, tình cảm không hàn gắn được. Tổ dân phố hòa giải không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại điều 71, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh H vẫn vắng mặt không

có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh T. Chị Trần Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Công H.

- Về con chung: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H có 02 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 10/10/1989 và cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 25/9/1991.

Cả hai con chung đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, không cần cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại thời điểm tòa án giải quyết ly hôn, chị T xác nhận không có thai chung với anh Nguyễn Công H.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Không có nên không đề nghị giải quyết

- Các khoản nợ chung: Không có nên không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh T thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận HM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Công H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Công H.

Anh Nguyễn Công H được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện LN, tỉnh HN, vào ngày 08/12/1984. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại: Số nhà 16, ngõ 198 LTT, phường KM, quận TX, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 1/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau hoàn toàn; vợ chồng không có tiếng nói chung; thường có xảy ra cãi vã. Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H đã ly thân từ đó cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh H không còn quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau nên cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Minh T. Cho chị Trần Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Công H.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H có 02 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 10/10/1989 và cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 25/9/1991.

Xét thấy cả hai con chung đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, không cần cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên Tòa án không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nhà đất chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Minh T. Cho chị Trần Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Công H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Công H có 02 con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 10/10/1989 và Nguyễn Lan H, sinh ngày 25/9/1991.

Xét thấy cả hai con chung đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, không cần cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị Minh T đã nộp

300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0049525 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận HM.

Chị Trần Thị Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Công H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND TP.HN;
- VKSND Q. HM;
- Chi cục THADS Q.HM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị N